

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 19

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN

Quốc lộ 91, Khóm Thanh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên
Tỉnh An Giang, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Việt An (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lưu Bách Thảo	Chủ tịch
Ông Diệp Vĩnh Xuân	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Trọng Nghĩa	Thành viên
Bà Lê Thị Lệ Thủy	Thành viên (bổ nhiệm ngày 5 tháng 12 năm 2009)
Bà Lê Thị Lài	Thành viên
Bà Phùng Hoàng Trâm Anh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 5 tháng 12 năm 2009)

Ban Giám đốc

Ông Lưu Bách Thảo	Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Lài	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Minh Giàu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Tuyên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Lê Đức Thịnh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2010)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Lưu Bách Thảo
Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc
Ngày 31 tháng 3 năm 2010

Số: 273 /Deloitte- AUDHCM-RE

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Kính gửi: Các cổ đông Công ty Cổ phần Việt An

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày kèm theo của Công ty Cổ phần Việt An (sau đây gọi tắt là "Công ty"). Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trong báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 2, phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty trình bày các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc. Báo cáo tài chính kèm theo là báo cáo tài chính riêng, được lập để trình bày tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của riêng Công ty. Do vậy, Công ty không hợp nhất các khoản đầu tư này theo phương pháp hợp nhất toàn bộ và phương pháp vốn chủ sở hữu.



Lê Đình Tứ

Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0488/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 31 tháng 3 năm 2010

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Huỳnh Vũ Đại Trọng

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1204/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN

Quốc lộ 91, Khóm Thanh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên
Tỉnh An Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		822.845.445.901	491.365.965.384
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	72.074.382.267	1.762.868.405
1. Tiền	111		27.074.382.267	1.762.868.405
2. Các khoản tương đương tiền			45.000.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	4.784.000.000	2.600.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		11.960.000.000	11.960.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(7.176.000.000)	(9.360.000.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		390.880.099.691	260.403.803.345
1. Phải thu khách hàng	131		265.598.957.822	157.280.109.258
2. Trả trước cho người bán	132		45.572.208.315	25.082.908.369
3. Các khoản phải thu khác	135		79.708.933.554	78.040.785.718
IV. Hàng tồn kho	140	7	340.358.011.417	208.058.235.668
1. Hàng tồn kho	141		340.358.011.417	208.058.235.668
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		14.748.952.526	18.541.057.966
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		7.812.572.365	8.667.202.865
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.249.693.990	7.305.117.199
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		3.686.686.171	2.568.737.902
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		266.242.771.796	204.361.528.297
I. Tài sản cố định	220		184.217.391.661	168.223.120.719
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	116.420.370.010	98.993.692.737
- Nguyên giá	222		140.219.002.512	113.729.840.113
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(23.798.632.502)	(14.736.147.376)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	9	22.357.008.230	26.257.043.714
- Nguyên giá	225		34.937.439.689	35.291.208.413
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(12.580.431.459)	(9.034.164.699)
3. Tài sản cố định vô hình	227	10	20.430.032.141	20.430.032.141
- Nguyên giá	228		20.430.032.141	20.430.032.141
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	25.009.981.280	22.542.352.127
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		64.291.543.000	26.400.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	12	36.000.000.000	26.400.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	13	39.340.000.000	-
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	13	(11.048.457.000)	-
III. Tài sản dài hạn khác	260		17.733.837.135	9.738.407.578
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	15.549.113.255	8.172.408.698
2. Tài sản dài hạn khác	268		2.184.723.880	1.565.998.880
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.089.088.217.697	695.727.493.681

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN

Quốc lộ 91, Khóm Thanh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên
 Tỉnh An Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		910.821.878.200	582.334.805.505
I. Nợ ngắn hạn	310		896.459.481.218	509.250.713.379
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	687.243.749.873	373.467.850.087
2. Phải trả người bán	312		156.209.611.965	121.878.856.042
3. Người mua trả tiền trước	313		415.767.784	2.264.307.375
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	6.368.263.392	454.555.841
5. Phải trả người lao động	315		10.336.799.816	8.784.366.619
6. Chi phí phải trả	316		1.229.342.679	1.081.331.596
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		34.655.945.709	1.319.445.819
II. Nợ dài hạn	330		14.362.396.982	73.084.092.126
1. Vay và nợ dài hạn	334	17	13.814.134.432	72.491.713.476
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		548.262.550	592.378.650
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		178.266.339.497	113.392.688.176
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	178.266.339.497	113.392.688.176
1. Vốn điều lệ	411		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		12.500.038.413	12.500.038.413
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		381.298.636	381.298.636
4. Lợi nhuận chưa phân phối	420		65.385.002.448	511.351.127
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.089.088.217.697	695.727.493.681

Lưu Bách Thảo
Tổng Giám đốc
 Ngày 31 tháng 3 năm 2010

Ngô Văn Thu
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN

Quốc lộ 91, Khóm Thanh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên
 Tỉnh An Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mẫu B 02-DN

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2009	2008
1. Doanh thu gộp	01		1.229.856.692.721	898.049.290.198
2. Các khoản giảm trừ	02		(8.662.575.151)	(8.589.127.816)
3. Doanh thu thuần	10		1.221.194.117.570	889.460.162.382
4. Giá vốn hàng bán	11		(990.798.267.791)	(726.645.363.536)
5. Lợi nhuận gộp	20		230.395.849.779	162.814.798.846
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	5.390.153.117	4.326.413.025
7. Chi phí tài chính	22	20	(34.760.013.129)	(52.540.806.942)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>21.051.918.361</i>	<i>43.959.593.727</i>
8. Chi phí bán hàng	24		(98.010.949.866)	(94.659.811.341)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(20.113.116.957)	(11.522.661.077)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		82.901.922.944	8.417.932.511
11. Thu nhập khác	31		13.549.189.289	1.112.822.000
12. Chi phí khác	32		(13.613.309.413)	(2.106.777.289)
13. Lỗ khác	40	21	(64.120.124)	(993.955.289)
14. Lợi nhuận trước thuế	50		82.837.802.820	7.423.977.222
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	22	(7.964.155.191)	-
16. Thuế thu nhập hoãn lại	52	22	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế	60		74.873.647.629	7.423.977.222
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	61	23	7.487	627

Lưu Bách Thảo**Tổng Giám đốc**

Ngày 31 tháng 3 năm 2010

Ngô Văn Thu**Kê toán trưởng**

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN

Quốc lộ 91, Khóm Thanh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên
Tỉnh An Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B 03-DN

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	2009	2008
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	82.837.802.820	7.423.977.222
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	13.035.218.338	11.201.321.858
Các khoản dự phòng	03	8.864.457.000	7.660.000.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(127.088.045)	(1.628.968.087)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.615.843.065)	(1.804.816.981)
Chi phí lãi vay	06	21.051.918.361	43.959.593.727
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	124.046.465.409	66.811.107.739
Tăng các khoản phải thu	09	(197.830.513.224)	(86.543.978.543)
Tăng hàng tồn kho	10	(132.299.775.749)	(119.830.620.405)
Tăng các khoản phải trả	11	64.723.275.938	72.016.762.460
Tăng chi phí trả trước	12	(9.067.783.148)	(9.294.606.632)
Tiền lãi vay đã trả	13	(21.051.918.361)	(42.878.262.131)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.974.569.176)	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	4.055.423.209	(2.162.663.192)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(169.399.395.102)	(121.882.260.704)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua tài sản cố định	21	(27.228.496.464)	(25.083.956.522)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	3.420.178.577	-
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các công ty khác	25	(18.100.500.000)	(65.104.093.380)
4. Thu lãi tiền gửi	27	1.616.270.763	1.804.816.981
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(40.292.547.124)	(88.383.232.921)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Vốn góp của các cổ đông	31	-	31.700.038.413
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.193.096.825.694	1.855.244.329.126
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.896.281.451.448)	(1.662.557.088.887)
4. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	(6.522.657.407)	(5.667.922.312)
5. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(9.999.996.308)	(13.698.650.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	280.292.720.531	205.020.706.340
Lưu chuyển tiền và tương đương tiền trong năm	50	70.600.778.305	(5.244.787.285)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.762.868.405	7.047.104.589
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	(289.264.443)	(39.448.899)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	72.074.382.267	1.762.868.405

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác không bao gồm 2.670.890.000 đồng (năm 2008: 9.418.782.794 đồng) là giá trị tài sản cố định mua sắm trong năm nhưng chưa thanh toán. Tuy nhiên, tiền chi mua tài sản cố định trong năm bao gồm 9.418.782.794 đồng là số tiền mua tài sản cố định nhưng chưa được thanh toán trong năm trước. Theo đó, các khoản tiền tương ứng nêu trên cũng được điều chỉnh vào tài khoản phải trả.

Lưu Bách Thảo
Tổng Giám đốc
Ngày 31 tháng 3 năm 2010

Ngô Văn Thu
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN

Quốc lộ 91, Khóm Thanh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên
Tỉnh An Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Việt An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần với thời gian hoạt động là 50 năm theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5203000060 ngày 27 tháng 1 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH Việt An, một công ty trách nhiệm hữu hạn theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5002000307 ngày 22 tháng 7 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 2.413 người (năm 2008: 2.362 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là chế biến các sản phẩm thủy sản với sản phẩm chính là cá tra fi lê (cá da tron Việt Nam).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, mặc dù Công ty có các khoản nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn là 73.614.035.317 đồng, nhưng báo cáo tài chính của Công ty vẫn được lập trên cơ sở hoạt động liên tục vì Ban Giám đốc tin rằng Công ty sẽ tiếp tục kinh doanh có lợi nhuận và Công ty đã tăng vốn điều lệ bằng việc phát hành thêm cổ phiếu ra bên ngoài trong năm 2010 (xem Thuyết minh số 18).

Báo cáo tài chính này được lập để trình bày tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và kết quả kinh doanh riêng cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 15 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 201/2009/TT-BTC hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Phương pháp hạch toán các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối niên độ kế toán theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC có sự khác biệt so với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ không được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN

Quốc lộ 91, Khóm Thanh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên
Tỉnh An Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Trong trường hợp Công ty bị lỗ, Công ty có thể phân bổ một phần khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trong năm năm tiếp theo sau khi đã trừ đi phần chênh lệch tỷ giá phát sinh tương ứng với phần nợ dài hạn đến hạn trả.

Ban Giám đốc Công ty quyết định không áp dụng hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng theo VAS 10 sẽ phản ánh hợp lý hơn tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty. Ban Giám đốc Công ty cũng tin rằng việc áp dụng phương pháp hạch toán chênh lệch tỷ giá theo thông tư mới thì chênh lệch tỷ giá phát sinh không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và khi giá trị ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN

Quốc lộ 91, Khóm Thanh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên
 Tỉnh An Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Số năm

Nhà xưởng và vật kiến trúc	8 - 20
Máy móc và thiết bị	5 - 10
Thiết bị văn phòng	5
Phương tiện vận tải	10

Các tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao dựa trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như các tài sản thuộc sở hữu của Công ty.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ phi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây). Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất lâu dài được trình bày theo nguyên giá. Công ty không tính khấu hao quyền sử dụng đất lâu dài.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư vào công ty con và đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Công ty con là một công ty mà Công ty mẹ giữ cổ phần chi phối (trên 50%) cũng như quyền kiểm soát tương ứng.

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty mẹ có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty mẹ. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN

Quốc lộ 91, Khóm Thanh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên
Tỉnh An Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

chứng khoán. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng hai đến ba năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN

Quốc lộ 91, Khóm Thanh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên
Tỉnh An Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế được phân phối cho các cổ đông sau khi đã được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội cổ đông thường niên và sau khi trích lập quỹ dự trữ theo điều lệ của Công ty

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2009 VNĐ	31/12/2008 VNĐ
Tiền mặt	12.603.463.666	303.804.980
Tiền gửi ngân hàng	14.470.918.601	1.459.063.425
Các khoản tương đương tiền	45.000.000.000	-
	72.074.382.267	1.762.868.405

Các khoản tương đương tiền thể hiện hai khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam với lãi suất tiền gửi một năm là 10,49%. Thời gian đáo hạn lần lượt là một và hai tháng kể từ ngày gửi.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2009 VNĐ	31/12/2008 VNĐ
Chứng khoán niêm yết	11.160.000.000	11.160.000.000
Chứng khoán chưa niêm yết	800.000.000	800.000.000
	11.960.000.000	11.960.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(7.176.000.000)	(9.360.000.000)
	4.784.000.000	2.600.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN

Quốc lộ 91, Khóm Thanh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên
 Tỉnh An Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2009	31/12/2008
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Nguyên liệu, vật liệu	1.256.950.584	600.877.222
Công cụ, dụng cụ	7.181.719.109	6.015.777.690
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	37.669.275.845	24.806.719.298
Thành phẩm	289.684.223.816	172.181.826.534
Hàng hóa	732.196.723	-
Hàng gửi đi bán	3.833.645.340	4.453.034.924
	<u>340.358.011.417</u>	<u>208.058.235.668</u>

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng vật kiến trúc <u>VNĐ</u>	Máy móc thiết bị <u>VNĐ</u>	Thiết bị văn phòng <u>VNĐ</u>	Phương tiện vận tải <u>VNĐ</u>	Tổng <u>VNĐ</u>
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 1/1/2009	64.630.029.077	38.916.004.024	4.556.682.627	5.627.124.385	113.729.840.113
Tăng	-	8.180.318.499	243.413.280	-	8.423.731.779
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	4.489.972.365	13.371.821.891	-	-	17.861.794.256
Chuyển từ tài sản thuê tài chính	-	-	-	1.505.000.000	1.505.000.000
Thanh lý, nhượng bán	(205.000.000)	-	-	(1.096.363.636)	(1.301.363.636)
Tại ngày 31/12/2009	<u>68.915.001.442</u>	<u>60.468.144.414</u>	<u>4.800.095.907</u>	<u>6.035.760.749</u>	<u>140.219.002.512</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 1/1/2009	6.051.724.772	6.448.148.807	1.059.520.902	1.176.752.895	14.736.147.376
Khấu hao trong năm	2.976.755.994	4.778.723.917	282.656.705	1.091.439.962	9.129.576.578
Chuyển từ tài sản thuê tài chính	-	-	359.375.000	-	359.375.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(61.011.900)	(365.454.552)	(426.466.452)
Tại ngày 31/12/2009	<u>9.028.480.766</u>	<u>11.226.872.724</u>	<u>1.640.540.707</u>	<u>1.902.738.305</u>	<u>23.798.632.502</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2009	<u>59.886.520.676</u>	<u>49.241.271.690</u>	<u>3.159.555.200</u>	<u>4.133.022.444</u>	<u>116.420.370.010</u>
Tại ngày 31/12/2008	<u>58.578.304.305</u>	<u>32.467.855.217</u>	<u>3.497.161.725</u>	<u>4.450.371.490</u>	<u>98.993.692.737</u>

Như trình bày tại Thuyết minh số 15 và 17, Công ty đã thế chấp nhà xưởng và vật kiến trúc, máy móc và thiết bị và phương tiện vận tải để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc thiết bị <u>VNĐ</u>	Phương tiện vận tải <u>VNĐ</u>	Tổng <u>VNĐ</u>
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 1/1/2009	33.791.208.413	1.500.000.000	35.291.208.413
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	1.146.231.276	1.146.231.276
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(1.500.000.000)	(1.500.000.000)
Tại ngày 31/12/2009	<u>33.791.208.413</u>	<u>1.146.231.276</u>	<u>34.937.439.689</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 1/1/2009	8.788.294.120	245.870.579	9.034.164.699
Khấu hao trong năm	3.621.442.980	284.198.780	3.905.641.760
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(359.375.000)	(359.375.000)
Tại ngày 31/12/2009	<u>12.409.737.100</u>	<u>170.694.359</u>	<u>12.580.431.459</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2009	<u>21.381.471.313</u>	<u>975.536.917</u>	<u>22.357.008.230</u>
Tại ngày 31/12/2008	<u>25.002.914.293</u>	<u>1.254.129.421</u>	<u>26.257.043.714</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN

Quốc lộ 91, Khóm Thanh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên
 Tỉnh An Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất của Công ty. Như trình bày tại Thuyết minh số 15, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	2009 <u>VNĐ</u>	2008 <u>VNĐ</u>
Tại ngày 1 tháng 1	22.542.352.127	9.424.294.433
Tăng	25.379.333.408	20.818.636.900
Kết chuyển vào tài sản cố định hữu hình	(17.861.794.256)	(7.700.579.206)
Kết chuyển vào tài sản cố định thuê tài chính	(1.146.231.276)	-
Kết chuyển vào chi phí trả trước ngắn hạn	(3.903.678.723)	-
Tại ngày 31 tháng 12	<u>25.009.981.280</u>	<u>22.542.352.127</u>

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 như sau:

<u>Tên công ty con</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ phần sở hữu</u> %	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ</u> %	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty TNHH Anfa - Ag	Long An	90	90	Kinh doanh kho lạnh

Đầu tư vào công ty con thể hiện khoản đầu tư vào Công ty TNHH Anfa - Ag. (“Công ty con”), một công ty trách nhiệm hữu hạn ở tỉnh Long An với vốn góp là 36.000.000.000 đồng chiếm 90% quyền sở hữu và tương ứng với quyền biểu quyết tại Công ty con. Khoản đầu tư này được ghi nhận trên báo cáo tài chính sử dụng phương pháp giá gốc. Công ty con hiện đang trong giai đoạn xây dựng cơ bản và dự kiến sẽ đi vào hoạt động chính thức vào tháng 4 năm 2010.

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

<u>Tên công ty liên kết</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ phần sở hữu</u> (%)	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u> (%)	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản AFA	An Giang	48	48	Kinh doanh thủy sản

Đầu tư vào công ty liên kết thể hiện khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản AFA (“Công ty liên kết”) ở tỉnh An Giang với vốn góp là 39.340.400.000 đồng chiếm 48% quyền sở hữu và tương ứng với quyền biểu quyết tại công ty này. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu trên báo cáo tài chính sử dụng phương pháp giá gốc. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty liên kết phát sinh lỗ do đó Công ty đã lập dự phòng giảm giá cho khoản đầu tư vào Công ty liên kết với số tiền 11.048.457.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN

Quốc lộ 91, Khóm Thanh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên
Tỉnh An Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1	8.172.408.698	2.952.036.962
Tăng	17.713.002.155	7.381.202.296
Phân bổ vào chi phí trong năm	(10.336.297.598)	(2.160.830.560)
Tại ngày 31 tháng 12	15.549.113.255	8.172.408.698

15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2009 VNĐ	31/12/2008 VNĐ
Vay ngắn hạn	676.038.734.933	360.647.520.460
Vay dài hạn đến hạn trả	4.129.454.000	7.171.034.800
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	7.075.560.940	5.649.294.827
	687.243.749.873	373.467.850.087

Các khoản vay ngắn hạn thể hiện các khoản tín dụng ngắn hạn bằng đồng Việt Nam từ các ngân hàng thương mại trong nước với lãi suất vay được các ngân hàng công bố theo từng thời kỳ. Các khoản vay này được đảm bảo bằng quyền thu hồi nợ của các bộ chứng từ xuất khẩu, tài sản cố định, quyền sử dụng đất của Công ty và các tài sản cá nhân của ông Lưu Bách Thảo - Chủ tịch của Công ty.

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2009 VNĐ	31/12/2008 VNĐ
Thuế xuất nhập khẩu	316.119.894	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.989.586.015	-
Các loại thuế khác	62.557.483	454.555.841
	6.368.263.392	454.555.841

17. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2009 VNĐ	31/12/2008 VNĐ
Vay dài hạn	9.013.689.621	71.755.544.421
Nợ thuê tài chính dài hạn	16.005.459.751	13.556.498.682
	25.019.149.372	85.312.043.103
Trừ: Vay dài hạn đến hạn trả	(4.129.454.000)	(7.171.034.800)
Nợ dài hạn đến hạn trả	(7.075.560.940)	(5.649.294.827)
	13.814.134.432	72.491.713.476

Công ty đã ký một số hợp đồng vay dài hạn với các ngân hàng nhằm tài trợ cho việc xây dựng nhà xưởng và mua máy móc thiết bị. Các khoản vay bao gồm như sau:

Vay dài hạn với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam bao gồm hai khoản vay có tổng hạn mức tín dụng là 910.000.000 đồng. Các khoản vay này chịu lãi suất lãi tiền vay một tháng là 1% và được đảm bảo bằng chính tài sản hình thành từ khoản vay này. Khoản vay này được hoàn trả hàng quý bắt đầu từ tháng 12 năm 2005 đến tháng 9 năm 2010.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN

Quốc lộ 91, Khóm Thanh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên
Tỉnh An Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam gồm hai khoản vay có tổng hạn mức tín dụng là 15.000.000.000 đồng. Các khoản vay này chịu lãi suất lãi tiền vay một tháng từ 0,95% đến 1% và được đảm bảo bằng chính nhà xưởng và máy móc hình thành từ các khoản vay này. Các khoản vay này được hoàn trả hàng quý bắt đầu từ tháng 6 năm 2005 đến tháng 6 năm 2011.

Vay dài hạn với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam có hạn mức tín dụng là 3.000.000.000 đồng cho việc mua xe tải đông lạnh vận chuyển hàng hóa. Khoản vay này chịu lãi suất lãi tiền vay một tháng bằng 1,5% và được đảm bảo bằng chính tài sản hình thành từ khoản vay này. Khoản vay này được hoàn trả 6 tháng một lần bắt đầu từ tháng 12 năm 2008 đến tháng 5 năm 2013.

Ngoài ra, Công ty còn vay từ ông Trần Thanh Nguyên, một bên thứ ba, với số tiền 3.000.000.000 đồng với lãi suất lãi tiền vay một năm là 16,8%. Lãi vay được trả hàng tháng. Khoản vay này không có bảo đảm và được hoàn trả trong vòng 2 năm kể từ ngày vay đầu tiên.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2009 VNĐ	31/12/2008 VNĐ
Trong vòng một năm	4.129.454.000	7.171.034.800
Trong năm thứ hai	4.884.235.621	5.717.208.421
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	-	58.867.301.200
	9.013.689.621	71.755.544.421
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(4.129.454.000)	(7.171.034.800)
Số phải trả sau 12 tháng	4.884.235.621	64.584.509.621

Công ty cũng đã ký hợp đồng thuê tài chính dài hạn với Công ty Cho thuê Tài chính Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam để thuê một số phương tiện vận tải. Thời hạn thuê của các hợp đồng thông thường là sáu mươi (60) tháng. Các khoản thuê này chịu lãi suất lãi tiền vay một tháng bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng cộng 0,37%. Tiền nợ được thanh toán cố định và không có thỏa thuận nào cho các chi phí thuê tiềm tàng khác. Các khoản nợ thuê tài chính bằng đồng Việt Nam. Tài sản thuê tài chính được Công ty dùng để đảm bảo cho khoản nợ vay.

Các khoản nợ dài hạn khác được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Giá trị tối thiểu của các khoản tiền thuê		Giá trị tối thiểu của các khoản tiền thuê hiện tại	
	31/12/2009 VNĐ	31/12/2008 VNĐ	31/12/2009 VNĐ	31/12/2008 VNĐ
Các khoản phải trả do thuê tài chính:				
Trong vòng một năm	7.398.774.878	5.905.837.423	7.075.560.940	5.649.294.827
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	9.507.331.538	12.430.784.817	8.929.898.811	7.907.203.855
	16.906.106.416	18.336.622.240	16.005.459.751	13.556.498.682
Trừ: Các khoản phí tài chính trong tương lai	(900.646.665)	(4.780.123.558)	-	-
Giá trị hiện tại của các khoản thuê tài chính phải trả	16.005.459.751	13.556.498.682	16.005.459.751	13.556.498.682
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày trong phần nợ ngắn hạn)			(7.075.560.940)	(5.649.294.827)
Số phải trả sau 12 tháng			8.929.898.811	7.907.203.855

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN

Quốc lộ 91, Khóm Thanh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên
 Tỉnh An Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chi tiết về mệnh giá cổ phần và số cổ phần của Công ty như sau:

	31/12/2009	31/12/2008
Số lượng cổ phần được phép phát hành	15.000.000	10.000.000
Số cổ phần đã phát hành và góp vốn đầy đủ	10.000.000	10.000.000
Mệnh giá cổ phiếu (VNĐ)	<u>10.000</u>	<u>10.000</u>

Công ty chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh số 1600720555 ngày 21 tháng 12 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp, vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 đồng. Vốn điều lệ thực tế do các cổ đông sáng lập góp tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và 2008 như sau:

	Số lượng cổ phiếu		Vốn đã góp	
	31/12/2009	31/12/2008	31/12/2009	31/12/2008
			<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Ông Lưu Bách Thảo	5.480.000	5.480.000	54.800.000.000	54.800.000.000
Ông Diệp Vĩnh Xuân (Far East Venture LLC)	2.400.000	2.400.000	24.000.000.000	24.000.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch An Giang	480.000	480.000	4.800.000.000	4.800.000.000
Ông Nguyễn Trọng Nghĩa	320.000	320.000	3.200.000.000	3.200.000.000
Bà Lê Thị Lệ Thủy	320.000	320.000	3.200.000.000	3.200.000.000
Bà Lê Thị Lài	500.000	500.000	5.000.000.000	5.000.000.000
	<u>9.500.000</u>	<u>9.500.000</u>	<u>95.000.000.000</u>	<u>95.000.000.000</u>

Trong năm 2010, Công ty đã phát hành 3.000.000 cổ phần cho cổ đông bên ngoài với giá bán bình quân là 35.000 đồng một cổ phần và 2.000.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu theo mệnh giá để tăng vốn điều lệ lên 150.000.000.000 đồng.

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ <u>VNĐ</u>	Thặng dư vốn cổ phần <u>VNĐ</u>	Vốn khác của chủ sở hữu <u>VNĐ</u>	Lợi nhuận chưa phân phối <u>VNĐ</u>	Tổng <u>VNĐ</u>
Số dư tại ngày 1/1/2008	80.800.000.000	-	381.298.636	6.786.023.905	87.967.322.541
Vốn góp	19.200.000.000	12.500.038.413	-	-	31.700.038.413
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	7.423.977.222	7.423.977.222
Cổ tức đã chia	-	-	-	(13.698.650.000)	(13.698.650.000)
Số dư tại ngày 31/12/2008	<u>100.000.000.000</u>	<u>12.500.038.413</u>	<u>381.298.636</u>	<u>511.351.127</u>	<u>113.392.688.176</u>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	74.873.647.629	74.873.647.629
Cổ tức đã chia	-	-	-	(9.999.996.308)	(9.999.996.308)
Số dư tại ngày 31/12/2009	<u>100.000.000.000</u>	<u>12.500.038.413</u>	<u>381.298.636</u>	<u>65.385.002.448</u>	<u>178.266.339.497</u>

Vào ngày 5 tháng 12 năm 2009, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã phê duyệt việc tạm ứng cổ tức năm 2009 cho các cổ đông là 9.999.996.308 đồng (năm 2008: 13.698.650.000 đồng) từ lợi nhuận chưa phân phối. Trong năm, Công ty đã thanh toán toàn bộ số cổ tức này cho các cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN

Quốc lộ 91, Khóm Thanh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên
 Tỉnh An Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2009	2008
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Lãi tiền gửi	1.616.270.763	1.804.816.981
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.773.882.354	892.627.957
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.628.968.087
	5.390.153.117	4.326.413.025

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2009	2008
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Lãi tiền vay	21.051.918.361	43.959.593.727
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.716.549.723	921.213.215
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	8.864.457.000	7.660.000.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	127.088.045	-
	34.760.013.129	52.540.806.942

21. LỖ KHÁC

	2009	2008
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Thu từ thanh lý tài sản cố định	3.276.190.477	-
Bán bao bì và dụng cụ	8.948.504.439	1.070.420.900
Các khoản thu nhập khác	1.324.494.373	42.401.100
Thu nhập khác	13.549.189.289	1.112.822.000
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	(3.276.618.175)	-
Giá vốn bao bì và dụng cụ	(8.936.768.229)	(1.045.363.500)
Các khoản chi phí khác	(1.399.923.009)	(1.061.413.789)
Chi phí khác	(13.613.309.413)	(2.106.777.289)
Lỗ khác	(64.120.124)	(993.955.289)

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2009	2008
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Lợi nhuận trước thuế	82.837.802.820	7.423.977.222
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	(1.628.968.087)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	4.177.972.248	301.350.000
Thu nhập chịu thuế	87.015.775.068	6.096.359.135
Thuế suất áp dụng	10%	0%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.701.577.507	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	(2.711.991.492)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung các năm trước	1.974.569.176	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	7.964.155.191	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN

Quốc lộ 91, Khóm Thanh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên
Tỉnh An Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% tính trên thu nhập chịu thuế cho 10 năm đầu tiên kể từ ngày đăng ký kinh doanh và 25% cho các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập trong 2 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (năm 2006 và 2007 là hai năm được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp) và được giảm 50% cho 5 năm tiếp theo (bắt đầu từ năm 2008). Đồng thời Công ty được giảm thêm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp cho phần thu nhập tăng thêm do doanh thu xuất khẩu năm 2009 cao hơn năm 2008.

Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả hay tài sản thuế thu nhập hoãn lại vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2009 <u>VNĐ</u>	2008 <u>VNĐ</u>
Lợi nhuận sau thuế	74.873.647.629	7.423.977.222
Trừ: Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	(1.628.968.087)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	74.873.647.629	5.795.009.135
Số bình quân gia quyền của cổ phần phổ thông	10.000.000	9.246.470
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.487	627

24. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Công ty có các cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2009 <u>VNĐ</u>	31/12/2008 <u>VNĐ</u>
Trong vòng một năm	39.001.320	-
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	140.404.752	132.604.488
Sau năm năm	2.160.673.128	2.207.474.712
	2.340.079.200	2.340.079.200

Thuê hoạt động thể hiện tiền thuê đất tại phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang trong 50 năm tính từ tháng 3 năm 2005. Công ty được miễn tiền thuê đất trong 6 năm kể từ ngày 17 tháng 3 năm 2005.

25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan như sau:

	2009 <u>VNĐ</u>	2008 <u>VNĐ</u>
Mua hàng		
Công ty liên kết	171.750.720.983	-
Các nghiệp vụ khác		
Góp vốn vào Công ty con	9.600.000.000	26.400.000.000
Tạm ứng cho Công ty con	48.294.210.817	-
Góp vốn vào Công ty liên kết	39.340.000.000	-
Vay vốn từ các cổ đông chính	-	55.570.820.000
Hoàn trả tiền vay cho các cổ đông chính	55.570.820.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN

Quốc lộ 91, Khóm Thanh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên
Tỉnh An Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2009 <u>VNĐ</u>	2008 <u>VNĐ</u>
Lương và thưởng	<u>1.064.317.846</u>	<u>780.000.000</u>

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2009 <u>VNĐ</u>	31/12/2008 <u>VNĐ</u>
Các khoản phải thu		
Công ty con	<u>48.294.210.817</u>	<u>-</u>
Các khoản phải trả		
Công ty liên kết	36.388.904.586	-
Công ty con	<u>771.955.154</u>	<u>-</u>
Số dư vay vốn từ các cổ đông chính	<u>-</u>	<u>55.570.820.000</u>